

Bản án số: 115/2017/HSST

Ngày: 28/7/2017

**NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thu Thảo

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi

2. Ông Nguyễn Ngọc Long

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Mặt trận Tổ quốc xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Sương, Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại Văn phòng Khu phố 7, thị trấn Củ Chi,
huyện Củ Chi, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ
lý số: 84/2017/TLHS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Châu Minh P, sinh năm 1994; giới tính: nam; nơi đăng ký
nhân khẩu thường trú: số 40/9 đường Q, phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí
Minh; trình độ văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: thợ sửa xe; con ông Châu Quốc V và
bà Phạm Thị L; anh chị em ruột: không có; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án:
không; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2017 cho đến nay.

Bị cáo Châu Minh P có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn B, sinh năm 1998; giới tính: nữ; nơi đăng ký
nhân khẩu thường trú: thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ văn
hóa: 5/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị T;
anh chị em ruột gồm có 03 người kể cả bị cáo; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án:
không; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2017 cho đến nay.

Bị cáo Nguyễn Văn B có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: Bà Trần Xuân T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 6, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Xuân T có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Hoàng Q, sinh năm

Địa chỉ: Số 688/93/80 đường Q, phường 11, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Huỳnh Hoàng Q vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Châu Minh P và bị cáo Nguyễn Văn B bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lúc 09 giờ 00 phút ngày 04/01/2017, Châu Minh P rủ Nguyễn Văn B đi lên địa phận huyện Củ Chi xem hoa để chuẩn bị mua về bán Tết. Bảo sử dụng xe gắn máy hiệu Honda Winner không biển số, màu trắng chở P đi từ quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo đường Quốc lộ 22 lên địa phận huyện Củ Chi. Khi đến trước số nhà 926 Tỉnh lộ 7 thuộc ấp Phước Hưng, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, thì phát hiện bà Trần Xuân T đang điều khiển xe gắn máy biển số 59Y2-107.17 chở con gái là Phạm Thị Cẩm Ti (sinh năm 2003), trên cổ bà T có đeo sợi dây chuyền vàng đang chạy cùng chiều nhưng xe của B chạy qua xe của bà T, P kêu B quay lại, áp sát xe bà T để P giật sợi dây chuyền. Bảo đồng ý. B điều khiển xe áp sát bên trái xe bà T để P giật sợi dây chuyền đang đeo trên cổ bà T nhưng sợi dây chuyền bị đứt rơi lại trên cổ áo bà T. P lấy được mặt dây chuyền vàng hình bông hoa và có đưa cho B xem. B điều khiển xe chở P tẩu thoát trên đường Tỉnh lộ 7 về hướng xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi. Lúc này, bà T truy hô, quần chúng gần đó đuổi theo đến ấp Bàu Điều, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi thì B, P té ngã và làm mất chiếc mặt dây chuyền, sau đó cả hai tiếp tục dựng xe lên bỏ chạy. Do xe bị kẹt số 4 không chạy nhanh được, quần chúng tiếp tục truy đuổi đến đường Nguyễn Thị Rành thuộc ấp Phú Lợi, xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi thì bắt quả tang B, P cùng phương tiện gây án.

Tại bản cáo trạng số 84/CTr-VKS-HS ngày 22/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố bị cáo Châu Minh P và bị cáo Nguyễn Văn B về tội: “Cướp giật tài sản” theo Điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 136; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, đề nghị xử phạt bị cáo P mức án tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, bị cáo B mức án tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

- Về vật chứng, áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo B 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh có số imei 356866077193831 và trả cho bị cáo P 01 điện thoại di động hiệu Nokia C1 vỏ gỗ có số imei 355950/04/90169419.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Châu Minh P và bị cáo Nguyễn Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi

phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng số 84/CTr-VKS-HS ngày 22/5/2017 mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi vừa nêu.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả tranh luận tại phiên tòa.

Đối với hành vi dùng xe máy là nguồn nguy hiểm cao độ để giật lấy tài sản rồi sau đó tẩu thoát, bất chấp an toàn tính mạng, sức khỏe của người khác cũng là thủ đoạn nguy hiểm nếu bị truy đuổi hoặc ngăn chặn, do đó hành vi này thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm, là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Theo Kết luận ngày 21/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng 18k dài 47cm, loại dây xoắn đúc, cân nặng 5,4396g có giá trị là 2.972.500đ (hai triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng). Riêng mặt dây chuyền không thu hồi được.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 04/01/2017, tại ấp Phước Hưng, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, bị cáo Châu Minh P và bị cáo Nguyễn Văn B đã cùng thực hiện hành vi dùng xe gắn máy áp sát xe do bà Trần Xuân T điều khiển để cướp giật sợi dây chuyền vàng có mặt dây chuyền hình bông mai đang đeo trên cổ bà Trần Xuân T, giá trị sợi dây chuyền là 2.972.500đ (hai triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Bằng hành vi trên, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo P và bị cáo B đã phạm tội: “Cướp giật tài sản”, thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự, đúng như Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố.

Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, làm mất trật tự an xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là phạm pháp nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xử lý các bị cáo bằng một hình phạt nghiêm khắc, cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian để phát huy tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

* Tình tiết tăng nặng: Cả hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

* Tình tiết giảm nhẹ:

- Đối với bị cáo P, bị cáo phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng Điểm p Khoản 1 Điều 46, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo P.

- Đối với bị cáo B, bị cáo phạm tội lần đầu và trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng Điểm p Khoản 1 Điều 46, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo B.

* Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại là bà T xác định đã nhận lại tài sản là 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng 18k dài 47cm, loại dây xoắn đúc, cân nặng 5,4396g. Bà T không yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường

thiệt hại về mặt dây chuyền vàng hình bông hoa. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

Ngoài ra, bà T không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

* Về vật chứng:

01 xe gắn máy hiệu Honda Winner, không biển số, màu trắng, số máy: KC26E1018375, số khung: RLHKC2607GY-010846. Qua xác minh, chiếc xe có biển số 59V2-502.74 do ông Huỳnh Hoàng Q đứng tên chủ sở hữu. Ngày 04/01/2017, bị cáo B mượn xe trên đi công việc riêng nhưng lại sử dụng xe đi cướp giật tài sản, ông Q không biết nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi đã trả lại xe cho ông Q. Thấy phù hợp nên Hội đồng xét xử không xét.

01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng 18k đã trả cho người bị hại là bà Trần Xuân T, Hội đồng xét xử không xét.

01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh có số imei 356866077193831 là tài sản của bị cáo B, không liên quan đến việc phạm tội, xem xét trả lại cho bị cáo B.

01 điện thoại di động hiệu Nokia C1 vỏ gỗ có số imei 355950/04/90169419 là của bị cáo P, không liên quan đến việc phạm tội, xem xét trả lại cho bị cáo P.

Xét cần buộc các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Châu Minh P và bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 136; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo Châu Minh P 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2017.

- Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 136; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2017.

2. Về vật chứng:

Trả cho bị cáo B 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh có số imei 356866077193831;

Trả cho bị cáo P 01 điện thoại di động hiệu Nokia C1 vỏ gỗ có số imei 355950/04/90169419

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 81/PNK ngày 27/4/2017).

3. Về án phí:

Buộc bị cáo P và bị cáo B, mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSNDHCC;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- THA HS;
- Phòng PC53 Công an TP.HCM;
- Sở tư pháp;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương